

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-10-2021

V/v ly hôn giữa bà Ly và ông Hoàng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Hồng.

2. Bà Phạm Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp PH, xã PD, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã SD, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L trình bày:

Bà và ông Phan Thanh H cưới nhau năm 2010, hôn nhân do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã SD, thành phố BT, tỉnh Bến Tre và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu sống rất hạnh phúc. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H nhậu thường xuyên, không chăm lo cho vợ con. Từ năm 2015 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Do xác định không còn tình cảm vợ chồng nên bà xin được ly hôn với ông Phan Thanh H.

Về con chung: có Phan Hoàng B, sinh ngày 10/12/2011, hiện đang sống với ông H. Bà đồng ý để con chung tiếp tục sống với ông H, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Phan Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L; Về con chung: nguyện vọng của cháu B là muốn sống với cha nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà L đồng ý để cháu B được tiếp tục sống với cha, bà L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, bà L khai tự thỏa thuận, về nợ chung bà L khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Trúc L và ông Phan Thanh H tự nguyện kết hôn, đã Ủy ban nhân dân xã SD, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/11/2010 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do ông H cư trú trên địa bàn thành phố BT nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện “*Xin ly hôn*” nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông H đến để tiến hành hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Nguyên đơn Trần Thị Trúc L có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận và xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng không khắc phục được mâu thuẫn chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về con chung: có Phan Hoàng B, sinh ngày 10/12/2011, hiện đang sống chung với ông H, bà L đồng ý để cháu B tiếp tục sống với ông H theo nguyện vọng của cháu B, bà L không cấp dưỡng nuôi con, Tòa án đã nhiều lần mời ông H đến để giải quyết vấn đề con chung nhưng ông H vẫn không đến. Hội đồng xét xử xét thấy việc

cháu B tiếp tục sống với ông H là phù hợp với nguyện vọng của cháu B, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: bà L khai bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà L phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L, bà Trần Thị Trúc L được ly hôn với ông Phan Thanh H.

2. Về con chung:

- Giao Phan Hoàng B, sinh ngày 10/12/2011 cho ông Phan Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Bà Trần Thị Trúc L không cấp dưỡng nuôi cháu Phan Hoàng B.

- Bà Trần Thị Trúc L được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: bà Ly khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: bà Trần Thị Trúc L phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006963 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Trần Thị Trúc L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- CCTHADS TP Bến Tre;
- UBND xã SĐ, TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương